

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT HỌC TẬP LẦN 1 (HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2023-2024)
LỚP K16A-D2A (BẠC CAO ĐẲNG TT09, NGÀNH DƯỢC, KHÓA 2022-2025)

				Số Đvht :		3	4	5	3	5	2			
				Số thứ tự :		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)			
TT	Mã số	Họ và tên		Ngày sinh	TH	GPSL	DL	HS	DLĐC	TACN	ĐTB	Xếp loại	Kết quả rèn luyện	Các MH/MĐ thi lại (Stt MH/MĐ : Thi L1)
1	16011007	Nguyễn Cao Việt	An	12/12/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	1.3	0.0	0.3	Yếu		6=100.0%(1:0)(2:0)(4:0)(6:0)
2	16011026	Ứng Hồng Minh	Anh	20/03/2002	8.5	7.4	8.1	3.1	4.9	5.7	6.4	T.bình khá		2=33.3%(4:0)
3	16011028	Vũ Thị Vân	Anh	24/12/2001	8.1	7.0	7.4	3.9	7.9	6.1	6.9	T.bình khá		1=16.7%(4:1)
4	16011031	Bùi Phương	Anh	01/08/2004	0.0	0.0	0.4	2.8	1.7	0.0	0.9	Yếu		6=100.0%(1:0)(2:0)(4:0)(6:0)
5	16011020	Nguyễn Thị Hải	Ánh	10/01/2004	8.1	6.5	7.5	3.9	7.6	6.4	6.8	T.bình khá		1=16.7%(4:1)
6	16011031	Hứa Thị Ngọc	Ánh	07/07/2004	8.6	6.6	7.0	5.3	7.6	6.0	7.0	Khá		
7	16011026	Lò Thị Kim	Bình	28/08/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		6=100.0%(1:0)(2:0)(4:0)(6:0)
8	16011031	Cử Thị Hồng	Chung	10/10/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	1.6	0.0	0.4	Yếu		6=100.0%(1:0)(2:0)(4:0)(6:0)
9	16011028	Nguyễn Thị	Diệu	26/01/2004	8.5	7.0	7.7	5.2	8.1	5.1	7.2	Khá		
10	16011021	Bùi Thái	Dương	04/11/2001	9.7	6.7	8.0	7.5	7.7	5.8	7.7	Khá		
11	16011020	Phan Tiến	Đạt	20/04/2004	8.1	6.3	7.3	5.0	7.6	6.0	6.9	T.bình khá		
12	16011025	Hoàng Thị Thu	Hà	03/01/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	1.7	0.0	0.4	Yếu		6=100.0%(1:0)(2:0)(4:0)(6:0)
13	16011028	Lê Thị	Hà	29/09/2004	8.2	6.7	4.6	4.6	7.5	5.5	6.2	T.bình khá		2=33.3%(4:3)
14	16011020	Võ Thị	Hậu	30/08/1998	7.9	7.0	5.3	5.3	8.0	6.1	6.7	T.bình khá		
15	16011022	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	13/06/2004	8.1	0.0	3.8	5.0	7.4	0.0	4.3	Yếu		3=50.0%(2:0)(6:0)
16	16011028	Nguyễn Thị	Hiền	28/11/2002	8.8	6.1	4.6	5.4	7.5	6.1	6.4	T.bình khá		1=16.7%
17	16011039	Nguyễn Thị	Hiền	10/09/2003	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		6=100.0%(1:0)(2:0)(4:0)(6:0)
18	16011026	Phan Thế	Huy	29/09/1999	8.2	6.8	4.5	5.0	3.9	6.1	5.5	Trung bình		2=33.3%
19	16011024	Bùi Thị Khánh	Huyền	26/01/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		6=100.0%(1:0)(2:0)(4:0)(6:0)

				Số Đvht :	3	4	5	3	5	2				
				Số thứ tự :	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)				
TT	Mã số	Họ và tên		Ngày sinh	TH	GPSL	DL	HS	DLĐC	TACN	ĐTB	Xếp loại	Kết quả rèn luyện	Các MH/MĐ thi lại (Stt MH/MĐ : Thi L1)
20	16011024	Nguyễn Mai	Hương	18/07/2004	8.8	<u>0.0</u>	6.8	5.0	7.3	7.5	5.8	Trung bình		1=16.7%(2:0)
21	16011026	Trần Thị Quỳnh	Hương	07/07/2004	8.2	<u>0.0</u>	<u>4.2</u>	<u>4.9</u>	7.6	6.1	5.0	Trung bình		3=50.0%(2:0)(4:3.5)
22	16011029	Đặng Trung	Kiên	15/10/1998	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>1.1</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	0.2	Yếu		6=100.0%(1:0)(2:0)(4:0)(6:0)
23	16011012	Lâm Ngọc	Linh	11/12/2004	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	0.0	Yếu		6=100.0%(1:0)(2:0)(4:0)(6:0)
24	16011014	Lê Nguyễn Thùy	Linh	11/12/2004	8.6	6.3	7.2	5.4	6.9	6.3	6.8	T.bình khá		
25	16011015	Nguyễn Phương	Linh	19/08/2004	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	0.0	Yếu		6=100.0%(1:0)(2:0)(4:0)(6:0)
26	16011035	Nguyễn Quốc	Linh	05/10/2002	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	0.0	Yếu		6=100.0%(1:0)(2:0)(4:0)(6:0)
27	16011040	Nguyễn Thị Thùy	Linh	11/07/2004	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	0.0	Yếu		6=100.0%(1:0)(2:0)(4:0)(6:0)
28	16011038	Nguyễn Thành	Long	23/06/2004	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	0.0	Yếu		6=100.0%(1:0)(2:0)(4:0)(6:0)
29	16011026	Bùi Xuân	Mai	06/10/2004	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	0.0	Yếu		6=100.0%(1:0)(2:0)(4:0)(6:0)
30	16011025	Lò Văn Tuấn	Mạnh	25/03/2003	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	0.0	Yếu		6=100.0%(1:0)(2:0)(4:0)(6:0)
31	16011029	Trần Phương	Nam	12/11/1997	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	0.0	Yếu		6=100.0%(1:0)(2:0)(4:0)(6:0)
32	16011029	Trần Thị Kiều	Nga	22/02/2002	8.7	7.9	7.4	<u>4.9</u>	7.9	5.7	7.3	Khá		1=16.7%(4:3.5)
33	16011024	Trương Đại	Nghĩa	20/10/2004	9.0	6.3	7.8	5.0	7.2	6.3	7.0	Khá		

Xếp loại học tập: Xuất sắc: 0 (0.0%), Giỏi: 0 (0.0%), Khá: 5 (15.2%), T.bình khá: 8 (24.2%), Trung bình: 3 (9.1%), Yếu: 17 (51.5%),
Xếp loại rèn luyện: Xuất sắc: 0 (0.0%), Tốt: 0 (0.0%), Khá: 0 (0.0%), Trung bình: 0 (0.0%), Yếu: 0 (0.0%),

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
TPHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Lê Thanh Sơn

Ghi chú:

- | | | | |
|-----------------------------|----------------------------------|-------------------|------------------|
| (1) TH: TIN HỌC | (2) GPSL: GIẢI PHẪU SINH LÝ | (3) DL: DƯỠC LIỆU | (4) HS: HÓA SINH |
| (5) DLĐC: DƯỠC LÝ ĐẠI CƯƠNG | (6) TACN: TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH | | |